

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 17 - 04 - 2018.

V/v tranh chấp về hôn nhân và  
gia đình.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hùng Phương.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đào Văn Rạng.

2. Ông Vũ Đức Khang.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Ngày 17/4/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2018/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐST - HNGĐ ngày 30/3/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H – Sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Xóm 8b, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Minh Đ – Sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Thôn 7, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện lập ngày 16/01/2018 cũng như lời khai chị Bùi Thị H tại phiên tòa thể hiện: Chị kết hôn với anh Phan Minh Đ vào tháng 6/2007 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 12/2012 cho đến nay. Nay chị H xác định tình cảm

giữa chị và anh Đ không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Minh Đ. Hiện nay anh Phan Minh Đ đang trú tại: Thôn 7, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương nhưng chị và anh Đ đã có đơn thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định là tòa án giải quyết vụ án.

Về con chung chị Bùi Thị H khai: Giữa chị và anh Đ không có con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng chị H khai vợ chồng chị không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí chị H đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay anh Phan Minh Đ không có mặt (Anh Đ có đề nghị xin không hòa giải và xét xử vắng mặt). Lời khai của anh Đ thể hiện: Anh kết hôn với chị H vào tháng 06/2007 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau, đến tháng 12/2012 thì chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh thì anh nhất trí thuận tình ly hôn với chị Bùi Thị H. Hiện nay anh Phan Minh Đ đang trú tại: Thôn 7, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương nhưng giữa anh Đ và chị H đã có đơn thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định là tòa án giải quyết vụ án.

Về con chung anh Đ xác định vợ chồng không có con chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung anh Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị H có đơn xin ly hôn anh Phan Văn Đ. Chị Bùi Thị H cư trú tại Xóm 8b, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định còn anh Đ cư trú tại Thôn 7, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương. Chị H và anh Đ có đơn thỏa thuận đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết việc ly hôn. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa hôm nay bị đơn anh Phan Minh Đ vắng mặt nhưng anh Đ đã

có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Phan Minh Đ vào tháng 6 năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N huyện N tỉnh Nam Định là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn. Sau đó mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Mặc dù được gia đình hai bên động viên khuyên giải nhưng không thành vợ chồng ly thân nhau từ tháng 12/2012 cho đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn, anh Đ cũng nhất trí thuận tình ly hôn. Thấy việc thuận tình ly hôn của chị H và anh Đ là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị H và anh Phan Minh Đ thống nhất xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Bùi Thị H và anh Phan Minh Đ đều thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Bùi Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[1] - Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Phan Minh Đ.

[2] - Án phí dân sự sơ thẩm chị Bùi Thị H phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số BB/2012/06256 ngày 12/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các Đ sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Phạm Hùng Phương**